

Số: 18/2023 /DTT-CV

TP HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2023

V/v: Giải trình chênh lệch số

liệu BCTC 06 tháng đầu năm 2023

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Liên quan đến chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2023 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2023, nay Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành xin giải trình như sau:

**A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Một số chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán đã được Kiểm toán viên điều chỉnh và phân loại lại như sau:

Khoản mục	BCTC 06 tháng đầu năm 2023 (trước kiểm toán)		BCTC 06 tháng đầu năm 2023 (đã kiểm toán)		Chênh lệch	
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>32.481.804.290</b>	<b>100</b>	<b>32.481.804.287</b>	<b>(3)</b>	
Hàng tồn kho	141	32.481.804.290	141	32.481.804.287	(3)	(1)
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>94.961.103.773</b>	<b>200</b>	<b>94.940.903.771</b>	<b>(20.200.002)</b>	
Tài sản cố định hữu hình	221	94.961.103.773	221	94.940.903.771	(20.200.002)	(2)
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>4.312.507.239</b>	<b>300</b>	<b>4.456.907.239</b>	<b>144.400.000</b>	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.177.558.018	313	1.146.958.018	(30.600.000)	(3)
Phải trả người lao động	314	3.134.949.221	314	3.309.949.221	175.000.000	(4)
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>3.353.523.851</b>	<b>400</b>	<b>3.229.683.850</b>	<b>(123.840.001)</b>	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421	3.353.523.851	421	3.229.683.850	(123.840.001)	(5)

Chi tiết chênh lệch:

(1) Mã số 141 giảm là do Kiểm toán tất toán điều chỉnh giảm chi phí sản phẩm dở dang còn treo số nhỏ lẻ, số tiền điều chỉnh giảm 3 đồng.

(2) Mã số 221 giảm Kiểm toán điều chỉnh là do trích khấu hao máy móc trùng lặp 2 lần với số tiền là 20.200.002 đồng.

(3) Mã số 313 giảm Kiểm toán điều chỉnh do ảnh hưởng các khoản điều chỉnh ở trên với số tiền 30.600.000 đồng.

(4) Mã số 314 tăng Kiểm toán điều chỉnh do hạch toán thiếu chi phí với số tiền 175.000.000 đồng

(5) Mã số 421 tăng Kiểm toán điều chỉnh do ảnh hưởng của các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí nêu trên.

## B. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	BCTC 06 tháng đầu năm 2023 (trước kiểm toán)		BCTC 06 tháng đầu năm 2023 (đã kiểm toán)		Chênh lệch	
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
Giá vốn hàng bán	23	69.144.167.625	23	69.276.642.626	132.475.001	(1)
Chi phí bán hàng	26	3.788.617.827	26	3.803.367.827	14.750.000	(2)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	2.664.965.274	27	2.672.540.274	7.575.000	(3)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.191.904.814	50	4.037.104.813	(154.800.001)	(4)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	838.380.963	51	807.420.963	(30.960.000)	(5)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.353.523.851	60	3.229.683.850	((123.840.001)	(6)

Chi tiết chênh lệch:

(1) Mã số 23 tăng do Kiểm toán điều chỉnh chi phí tiền com của sản xuất tăng và chi phí khấu hao giảm với số tiền 132.475.001 đồng

(2) Mã số 26 tăng do Kiểm toán điều chỉnh lại khoản chi phí tiền com bộ phận bán hàng với số tiền 14.750.000 đồng .

(3) Mã số 27 tăng do Kiểm toán điều chỉnh lại khoản chi phí tiền com bộ phận quản lý với số tiền 7.575.000 đồng

(4), (5), (6) Mã số 50, 51, 60 giảm do ảnh hưởng của các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí nêu trên.

## C. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (trước kiểm toán)	BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (đã kiểm toán)	Chênh lệch
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	86.648.848.577	83.384.562.332	(3.264.286.245)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(61.048.942.983)	(63.074.587.360)	2.025.644.377
Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.199.103.969)	(15.462.720.738)	(736.383.231)
Tiền chi trả lãi vay	04	(962.345.079)	(965.576.841)	3.231.762
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	80.918.296	707.725.301	626.807.005
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.848.167.197)	(3.803.427.529)	(4.044.739.668)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>	<b>20</b>	<b>(327.019.609)</b>	<b>(212.252.089)</b>	<b>(114.767.520)</b>

<i>kinh doanh</i>				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	149.226.710	4.799.612	(144.427.098)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.942.937.881)</b>	<b>(2.087.364.979)</b>	<b>144.427.098</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.706.550)	(3.706.550)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>727.112.720</b>	<b>723.406.170</b>	<b>(3.706.550)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.542.844.770)</b>	<b>(1.576.210.898)</b>	<b>33.366.128</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	85.004.081	118.370.209	33.366.128

Nguyên nhân chênh lệch: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty do phần mềm kế toán tổng hợp nên một số chỉ tiêu được mặc định sẵn, chưa tổng hợp đúng dòng tiền thực tế của các hoạt động trong Công ty. Kiểm toán tổng hợp lại lưu chuyển tiền thực tế theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính theo thực tế phát sinh tại Công ty nên phát sinh chênh lệch số liệu so với số liệu Công ty tổng hợp.

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành xin giải trình để Quý Cơ quan được biết.

Trân trọng.



**LÊ CÔNG NGHIỆP**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu (HCNS, KTTT)